

Số: 270/BC-UBND

Cù Lao Dung, ngày 19 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 116.1C
	Ngày: 21/11/2018
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về cải cách hành chính của tỉnh:

Không có

2. Kết quả ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại đơn vị, địa phương

Thực hiện các Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành tỉnh về công tác CCHC, UBND huyện đã ban hành 13 kế hoạch và 14 văn bản chỉ đạo về công tác CCHC. Cụ thể một số kế hoạch chính như sau:

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện về thực hiện công tác CCHC năm 2018. Đến nay đã hoàn thành 21/22 nhiệm vụ CCHC, đạt 95,45% theo kế hoạch, còn nhiệm vụ đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP của Chính phủ đang thực hiện.

- Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2018 của UBND huyện về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện. Đến nay đã rà soát 03/03 TTHC, đạt 100% kế hoạch.

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện về tuyên truyền CCHC năm 2018. Đến nay đã thực hiện 11/11 nhiệm vụ, đạt 100% kế hoạch.

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND huyện về kiểm tra công tác CCHC năm 2018. Kết quả đã kiểm tra 03 đơn vị cấp huyện và 8 xã, thị trấn, đạt 100% kế hoạch.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện. Bộ phận Một cửa huyện và Bộ phận một cửa 8/8 xã, thị trấn đã ban hành quyết định củng cố tổ chức cán bộ và ban hành quy chế làm việc của bộ phận, đạt 100% kế hoạch.

3. Kết quả triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC của ngành, địa phương

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện trong giải quyết TTHC, giúp người dân thuận tiện, dễ dàng hơn khi có nhu cầu làm TTHC, Ủy ban nhân dân huyện đã phê duyệt và triển khai thực hiện sáng kiến “Thành lập *Tổng đài hướng dẫn, phục vụ người dân về giải quyết thủ tục hành chính huyện Cù Lao Dung*” (Công văn số 726/UBND-HC ngày 10/8/2018). Tổng đài chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 03/10/2018 theo Thông báo số 39/TB-VP ngày 28/9/2018 của Văn phòng HĐND và UBND huyện. Cụ thể:

- Tổng đài gồm 01 máy chủ và 05 máy con tương ứng với 06 lĩnh vực giải quyết TTHC, có nội dung phát tự động hướng dẫn người dân lựa chọn lĩnh vực cần tư vấn, hướng dẫn thực hiện TTHC và được thực hiện qua số máy điện thoại bàn của Bộ phận 0299.3860323. Cụ thể: Số 1: Lĩnh vực Đất đai; Số 2: Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh; Số 3: Lĩnh vực Tư pháp hộ tịch; Số 4: Lĩnh vực Xây dựng; Số 5: Lĩnh vực Người có công, bảo trợ xã hội; Số 6: Lĩnh vực Khác;

- Số điện thoại di động của Bộ phận: 0919757822

- Hộp thư điện tử của Bộ phận: caicachhc.huyencld@soctrang.gov.vn

- Địa chỉ ứng dụng zalo của Bộ phận: **Một cửa huyện cù lao dung** hoặc số điện thoại **0919757822**

- Bộ phận phân công 06 công chức, viên chức thuộc Bộ phận trực Tổng đài tương ứng với 06 lĩnh vực giải quyết TTHC.

Chi phí thực hiện sáng kiến: 18.174.000 đồng, trong đó: 13.134.000 chi phí lắp đặt Tổng đài, 4.790.000 đồng chi phí mua điện thoại smartphone; 250.000 đồng chi phí đăng ký sim điện thoại di động và 150.000 đồng cước điện thoại di động phát sinh hàng tháng.

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, bình quân mỗi ngày Tổng đài đã tiếp nhận và hướng dẫn khoảng 12 cuộc gọi của người dân hỏi về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC sau khi nộp tại Bộ phận và hỏi về TTHC; trên 70% ý kiến hỏi về lĩnh vực tư pháp hộ tịch và lĩnh vực đất đai, các ý kiến khác hỏi về lĩnh vực xây dựng, lĩnh vực đăng ký kinh doanh và một số lĩnh vực khác. Chưa phát sinh ý kiến hỏi qua hộp thư điện tử và ứng dụng zalo.

Hiệu quả sáng kiến kinh nghiệm đem lại:

*** Đối với công chức, viên chức của Bộ phận:**

- Không phải tiếp nhận và chuyển cho công chức khác hướng dẫn khi người dân gọi điện thoại đến hỏi về TTHC.

- Luôn chủ động và trả lời nhanh, chính xác về TTHC khi có chuông điện thoại của người dân gọi đến tương ứng với lĩnh vực mình phụ trách.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân.

*** Đối với người dân, doanh nghiệp:**

- Khi gọi điện đến Bộ phận sẽ gặp được ngay công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực TTHC mình muốn hỏi; không phải lặp lại câu hỏi hai lần, không phải chờ đợi chuyển máy như trước đây;

- Có thể tương tác, hỏi và được công chức, viên chức Bộ phận hướng dẫn ghi các mẫu, biểu hồ sơ TTHC nhanh, chính xác qua hộp thư điện tử và ứng dụng zalo.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC:

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL:

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 23/02/2018 về xây dựng, ban hành văn bản QPPL năm 2018. Đến nay đã ban hành được 01 quyết định, đạt 100% kế hoạch. Cụ thể: UBND huyện đã ban hành quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 về bãi bỏ một số điều của Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND huyện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp huyện.

b) Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL:

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12/01/2018 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện năm 2018. Theo kế hoạch, UBND huyện dự kiến tổ chức rà soát VBQPPL năm 2018 vào tháng 01/2019.

UBND huyện triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến các đơn vị có liên quan bằng văn bản giấy và Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10/01/2018 về kiểm soát TTHC và Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2018 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Cù Lao Dung.

Ngày 31/01/2018, Phòng Tư pháp đã tiến hành bàn giao công việc kiểm soát TTHC về Văn phòng HĐND và UBND huyện. Ủy ban nhân dân huyện đã kiện toàn cán bộ, công chức đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (266 TTHC) và UBND xã, thị trấn (112 TTHC) được thực hiện theo cơ chế một cửa. Trong đó có 02 TTHC cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. 100% thủ tục hành chính được niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và niêm yết trên cổng thông tin điện tử của huyện.

Trên cơ sở kết quả rà soát TTHC, UBND huyện đã đề nghị UBND tỉnh, đồng thời ban hành Thông báo số 27/TB-UBND ngày 03/7/2018 về việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện đối với thủ tục “Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài” giảm từ 15 ngày xuống còn 13 ngày và thủ tục “Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề” giảm từ 10 ngày xuống còn 10 ngày.



3. Cải cách tổ chức bộ máy:

100% cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp cơ cấu tổ chức theo quy định.

Căn cứ số lượng biên chế được UBND tỉnh giao năm 2018, UBND huyện đã quyết định phân bổ 88 biên chế công chức và 12 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho 12 phòng chuyên môn và 914 người làm việc và 102 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, không tăng so với số chỉ tiêu UBND tỉnh phân bổ.

Thực hiện chủ trương sáp nhập trường, lớp học và các quy định của nhà nước có liên quan, UBND huyện đã quyết định sáp nhập 04 đơn vị trường tiểu học có số lớp ít (dưới 10 lớp) vào các trường tiểu học khác. Chủ tịch UBND huyện kiện toàn lại đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo các đơn vị, sắp xếp điều chuyển 32 viên chức cấp tiểu học dời sang dạy cấp mầm non.

UBND huyện xây dựng đề án tổ chức lại Ban quản lý Di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Bác Hồ; thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin đồng thời là Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện theo đề án phê duyệt của UBND tỉnh; đã đề nghị Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ thống nhất cho UBND huyện nhất thể hóa chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy đồng thời là Chánh Thanh tra huyện và sẽ tổ chức thực hiện khi được văn bản thống nhất.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 09/02/2018 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện năm 2018 và chiêu sinh của Sở Nội vụ, UBND huyện đã cử 10 cán bộ, công chức đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3.

Thực hiện thông báo của Sở Nội vụ, huyện đã đăng ký nhu cầu bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 9 công chức và chuyên viên chính 06 công chức và kế toán viên 22 công chức, viên chức.

Cử 41 lượt cán bộ, công chức tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng dành cho công chức chuyên trách cải cách hành chính và công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã do Sở Nội vụ tổ chức.

Trong năm huyện đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác được 28 công chức, viên chức, đạt 93,3% kế hoạch năm.

Trong năm huyện đã thực hiện tinh giản biên chế được 02 viên chức, đạt 100% kế hoạch. UBND huyện đã bình xét đề nghị tinh giản biên chế 17 viên chức và 01 công chức cấp xã đợt 1 năm 2019.

5. Cải cách tài chính công

UBND huyện tiếp tục triển khai thực cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ đối với 12 cơ quan hành chính và 8 xã thị trấn; 38 các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ

theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tất cả các cơ quan, đơn vị có xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai kế hoạch thu chi, định mức chi tại Hội nghị cán bộ, công chức và tại cuộc họp của cơ quan, chi bộ đầu năm, đạt 100% trên tổng số đơn vị.

Trong năm các đơn vị đã tiết kiệm được trên 2.037 triệu đồng do thực hiện cơ chế giao khoán chi, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức theo hiệu quả công việc của từng cá nhân.

6. Hiện đại hoá nền hành chính

6.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

UBND huyện đầu tư 146.000.000 đồng mua máy tính cấp cho các phòng chuyên môn huyện và 52.800.000 đồng cấp xã An Thạnh 1 và An Thạnh 2 mua máy vi tính nâng cao khả năng sử dụng máy vi tính và truy cập internet cho xã; đầu tư 18.174.000 đồng mua sắm trang thiết bị để thực hiện sáng kiến “Thành lập Tổng đài hướng dẫn, phục vụ người dân về giải quyết thủ tục hành chính huyện Cù Lao Dung”

Phòng Văn hóa và Thông tin đã tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch 05/KH-UBND ngày 10/01/2018 về ứng dụng CNTT năm 2018 và triển khai đến các đơn vị thực hiện.

UBND huyện tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản. Từ đầu năm đến nay UBND huyện đã phát hành và tiếp nhận 5068 văn bản trên hệ thống. Đa số các cơ quan, đơn vị tiếp nhận và xử lý tốt văn bản đến và đi trên hệ thống.

Trong năm Phòng Văn hóa và Thông tin đã tổng hợp và đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh cấp mới 398 hộp thư điện tử do UBND tỉnh cung cấp cho cán bộ, công chức, đạt 100%/cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã.

Phòng Văn hoá và Thông tin, Đài truyền thanh huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cập nhật công bố thủ tục hành chính và chỉnh sửa giao diện trang thông tin điện tử huyện nhằm tạo thuận lợi cho người dân tra cứu thông tin, cập nhật 100% thủ tục hành chính.

6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

UBND huyện tiếp tục triển khai thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại 12 cơ quan hành chính và UBND 8 xã, thị trấn, đạt 100%. Từ ngày 10/8/2018 UBND huyện đã quyết định chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, chỉ đạo các ngành chuyên môn và các xã, thị trấn xây dựng lại các quy trình giải quyết công việc, mục tiêu chất lượng cho phù hợp.

08/08 xã, thị trấn đã công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn ISO, đạt tỷ lệ 100%.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận

và Trả kết quả giải quyết TTHC thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện; Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1896/QĐ-UBND, ngày 28/9/2018 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, gồm 6 thành viên, 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện làm Trưởng Bộ phận, phân công 01 công chức thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện làm nhiệm vụ chuyên trách theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính.

Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn huyện Cù Lao Dung.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả huyện được trang bị 9 máy vi tính có kết nối internet (06 máy tính phục vụ làm việc), 02 máy in, 04 tủ lưu hồ sơ, 02 máy điều hòa, 01 điện thoại cố định và 04 băng ghế ngồi chờ, diện tích phòng làm việc 80m², cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong năm huyện đã đầu tư sửa chữa trụ sở làm việc của 5 xã, chuyển đổi, sắp xếp lại phòng làm việc, nâng tổng số toàn huyện lên 7/8 xã, thị trấn có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đủ diện tích theo quy định (40m²), đạt 87,5% trên tổng số. Còn 01 xã (An Thạnh Đông) huyện sẽ đầu tư sửa chữa đảm bảo đủ diện tích phòng làm việc theo quy định trong năm 2019.

Phòng Nội vụ đã ban hành Hướng dẫn số 01/HD-PNV ngày 22/3/2018 hướng dẫn về khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về chất lượng phục vụ của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả huyện và các xã, thị trấn. Theo đó, hướng dẫn các đơn vị thực hiện thống nhất mẫu phiếu khảo sát, quy trình thực hiện và thường xuyên đánh giá kết quả khảo sát.

UBND huyện và UBND xã, thị trấn có bố trí hòm thư góp ý và niêm yết số điện thoại của lãnh đạo đơn vị để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Từ đầu năm đến nay chưa phát sinh ý kiến.

Bộ phận một cửa huyện và 8/8 xã thị trấn trực sáng thứ bảy hàng tuần để giải quyết thủ tục hành chính kể từ ngày 03/3/2018. Tuy nhiên có rất ít người dân đến làm thủ tục hành chính vào ngày thứ bảy. Hiện nay có một số xã không còn thực hiện

Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC: Trong năm toàn huyện đã tiếp nhận 56.634 hồ sơ TTHC, 100% hồ sơ TTHC được trả kết quả đúng và trước thời gian quy định, không có hồ sơ trễ hạn (*Chi tiết theo Bảng tổng hợp kèm theo*)

8. Thực hiện phân cấp quản lý

Có báo cáo riêng.

9. Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 27/12/2017 về kiểm tra công vụ năm 2018, đồng thời thành lập đoàn kiểm tra đột xuất 02 đợt,

đợt 1 đối với UBND xã An Thạnh 2 và An Thạnh Đông ngày 29/01/2018, đợt 2 đối với UBND thị trấn Cù Lao Dung và UBND xã An Thạnh Tây ngày 15/3/2018. Sau kiểm tra, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành văn bản chấn chỉnh việc đi trễ, nghỉ không có lý do của một số cán bộ, công chức và chỉ đạo các đơn vị xử lý, chấn chỉnh kịp thời. Quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách đối với 01 công chức văn hóa xã hội thuộc UBND thị trấn Cù Lao Dung do vắng mặt không có lý do.

UBND huyện tiếp tục quán triệt và yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND, ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Trong năm có 01 đơn tố cáo về việc cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của nhà nước về cấm uống rượu, bia trong giờ làm việc (UBND xã An Thạnh 2). Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức kiểm tra và xử lý theo quy định.

10. Triển khai xác định Chỉ số CCHC cấp xã

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 về việc ban hành Chỉ số CCHC của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Phòng Nội vụ ban hành Công văn số 268/PNV ngày 26/9/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm tại UBND cấp xã.

Theo kế hoạch, UBND các xã thị trấn tự chấm điểm và tổng hợp kết quả báo cáo về Phòng Nội vụ chậm nhất đến 31/12/2018.

Chi tiết theo mẫu 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 12, 13B, 14 Kèm theo

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Đa số công chức phụ trách một cửa cấp xã hiện nay chưa có nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng phần mềm một cửa điện tử nên đa số đơn vị chưa cập nhật thường xuyên kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm; một số trường hợp cập nhật kết quả tiếp nhận hồ sơ TTHC trên hệ thống nhưng không cập nhật kịp thời sau khi trả kết quả nên kết quả báo cáo thống kê thể hiện số hồ sơ TTHC trả kết quả trễ hạn còn nhiều (42 hồ sơ).

Nguyên nhân: Công chức cấp xã thường xuyên thay đổi, một số khác mới được tuyển dụng năm 2018 nên không biết cách sử dụng phần mềm.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục mở lớp tập huấn và cung cấp tài liệu hướng dẫn cho cán bộ, công chức cấp xã, huyện về kỹ năng, nghiệp vụ sử dụng phần mềm một cửa điện tử.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Thường xuyên rà soát, niêm yết TTHC. Công khai, minh bạch tất cả các TTHC UBND tỉnh mới ban hành. Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.
2. Rà soát đề nghị đơn giản hóa TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.
3. Tiếp tục củng cố tổ chức cán bộ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả các cấp, thực hiện đúng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC, thực hiện xin lỗi bằng văn bản theo quy định đối với những hồ sơ trả kết quả trễ hạn.
4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm, kịp thời các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sách nhiễu, hách dịch, gây phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC làm tiêu chí đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức cuối năm.
5. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định của nhà nước về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn.
6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và giữa các cơ quan nhà nước với nhân dân; phấn đấu 100% văn bản hành chính thông thường trao đổi giữa cơ quan, đơn vị huyện, xã thực hiện bằng văn bản điện tử, giảm tối đa việc trao đổi thông tin bằng văn bản giấy.
7. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung báo cáo Sở Nội vụ biết, tổng hợp. /.

Nơi nhận
- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Ân



Biểu mẫu 1B
Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thông kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	3	8	7	7	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	3	8	2	2	
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	12	8	16	16	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	8	12	12	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	0	0	0	

[1] Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Ghi chú: Việc kiểm tra phân cấp quản lý đối với UBND cấp xã được UBND huyện thực hiện bằng cách lồng ghép vào nội dung kiểm tra CCHC và kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2018.



Biểu mẫu 2B

Số liệu về công tác xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 06/KH-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thông kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	1	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	1	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	1	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	0	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL	*	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	*	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	*	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	*	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	*	

*: Theo kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12/01/2018, UBND huyện dự kiến tổ chức rà soát VBQPPL năm 2018 vào tháng 01/2019



Biên mẫu 3B

Thống kê số liệu về Công tác Kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2018 của UBND huyện
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]	266	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]	266	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Không	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	/	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	/	

[1] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

[2] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND cấp xã

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	266	266	266	0	266	0	0	0	
	1. Văn phòng HĐND và UBND huyện	0	0	0		0	0	0		
	2. Phòng Nội vụ	35	35	35		35	0	0		
1	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8	8	8		8				
2	Lĩnh vực tổ chức-biên chế	3	3	3		3				
3	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16	16	16		16				
4	Lĩnh vực tôn giáo	8	8	8		8				
	3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	19	19	19		19	0			
5	Lĩnh vực lao động tiền lương, quan hệ lao động	2	2	2		2				
6	Lĩnh vực người có công	5	5	5		5				
7	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3	3	3		3				
8	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	9	9	9		9				
	4. Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	40	40		40	0	0		
9	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	5	5	5		5				
10	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	19	19	19		19				
11	Lĩnh vực giá	1	1	1		1				
12	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5	5	5		5				
13	Lĩnh vực quản lý công sản	2	2	2		2				
14	Lĩnh vực đấu thầu	4	4	4		4				
15	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4	4	4		4				
	5. Phòng Tài nguyên và Môi trường	17	17	17		17				
16	Lĩnh vực môi trường	2	2	2		2				
17	Lĩnh vực đất đai	15	15	15		15				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)		Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định			Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định	Số TTHC liên thông ngang[1]		Số TTHC liên thông dọc[2]
	6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2	2	2	0	0			
18	Lĩnh vực nông nghiệp	2	2	2	2					
	7. Phòng Giáo dục và Đào tạo	36	36	36	36					
20	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36	36	36	36					
	8. Phòng Văn hoá và Thông tin	18	18	18	18	0	0			
21	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	5	5	5	5					
22	Lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành	2	2	2	2					
23	Lĩnh vực thư viện	1	1	1	1					
24	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4	4	4	4					
25	Lĩnh vực gia đình	6	6	6	6					
	9. Phòng Tư pháp	32	32	32	32	0	0			
26	Lĩnh vực chứng thực	12	12	12	12					
27	Lĩnh vực hộ tịch	16	16	16	16					
28	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2	2	2	2					
29	Lĩnh vực bồi thường nhà nước:	2	2	2	2					
	10. Phòng Kinh tế và Hạ tầng	49	49	49	49	0	0			
30	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	12	12	12	12					
31	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	9	9	9					
32	Lĩnh vực đường bộ	2	2	2	2					
33	Lĩnh vực xây dựng	1	1	1	1					
34	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	1	1	1					
35	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	1	1	1					
36	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng	3	3	3	3					
37	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	16	16	16	16					
38	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc	1	1	1	1					
39	Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG))	3	3	3	3					

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
	11. Phòng Y tế	2	2	2		2				
40	Lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng	2	2	2		2				
	12. Thanh tra huyện	10	10	10		10	0	0		
41	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2	2	2		2				
42	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1	1	1		1				
43	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	1	1		1				
44	Lĩnh vực xử lý đơn	1	1	1		1				
45	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5	5	5		5				
	13. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	6	6	6		6				
46	Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm	6	6	6		6				
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	112	112	112	0	110	2	1	1	0
1	Lĩnh vực Tôn giáo	10	10	10		10				
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	8	8		8				
3	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	4	4	4		4				
4	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	2	2	2		2				
5	Lĩnh vực Hộ tịch	19	19	19		17	2	1	1	
6	Lĩnh vực Con nuôi	2	2	2		2				
7	Lĩnh vực Chứng thực	11	11	11		11				
8	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1	1	1		1				
9	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1	1	1		1				
10	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	1	1		1				
11	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1	1	1		1				
12	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5	5	5		5				
13	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5	5	5		5				
14	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1	1	1		1				
15	Lĩnh vực Thư viện	1	1	1		1				
16	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	1	1	1		1				
17	Lĩnh vực Môi trường	6	6	6		6				
18	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5	5	5		5				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
19	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1	1	1		1				
20	Lĩnh vực Đất đai	1	1	1		1				
21	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	9	9		9				
22	Lĩnh vực Người có công	6	6	6		6				
23	Lĩnh vực Dân tộc	3	3	3		3				
24	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	1	1		1				
25	Lĩnh vực Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1	1	1		1				
26	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1	1	1		1				
27	Lĩnh vực Trồng trọt	1	1	1		1				
28	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1	1	1		1				
29	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	1	1	1		1				
30	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	1	1	1		1				
31	Lĩnh vực Chính sách	1	1	1		1				
	Tổng số = (I) + (II)	378	378	378	0	376	2	1	1	0

[1] Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

[2] Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

[3] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Báo cáo số 5B
Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/2018/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

(1)	(2)	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú (12)
		Tổng số (3)=(4)+(5)	Số kỳ trước chuyển qua (4)	Số mới tiếp nhận (5)	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số (6)=(7)+(8)	Trả đúng hạn (7)	Trả quá hạn [1] (8)	Tổng số (9)=(10)+(11)	Chưa đến hạn (10)	Quá hạn [2] (11)	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	5125		5125	5125	5125	0	0	0	0	0
	1. Văn phòng HĐND và UBND huyện										
	2. Phòng Nội vụ										
1	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	32		32	32	32					
	3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội										
8	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	496		496	496	496					
	4. Phòng Tài chính - Kế hoạch										
9	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	188		188	188	188					
10	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	6		6	6	6					
	5. Phòng Tài nguyên và Môi trường										
16	Lĩnh vực môi trường	82		82	82	82					
17	Lĩnh vực đất đai	242		242	242	242					
	6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										
	7. Phòng Giáo dục và Đào tạo										
20	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	65		65	65	65					
	8. Phòng Văn hoá và Thông tin										
	9. Phòng Tư pháp										
26	Lĩnh vực chứng thực	2699		2699	2699	2699					
27	Lĩnh vực hộ tịch	261		261	261	261					
	10. Phòng Kinh tế và Hạ tầng										
30	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	9		9	9	9					

31	Lĩnh vực đường thủy nội địa	1		1	1	1					
33	Lĩnh vực xây dựng	47		47	47	47					
37	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	3		3	3	3					
	11. Phòng Y tế										
	12. Thanh tra huyện										
41	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	3		3	3	3					
42	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1		1	1	1					
	13. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai										
46	Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm	990		990	990	990					
II	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]</i>	51509		51509	51509	51509	0	0	0	0	0
1	UBND xã An Thạnh 1	3036		3036	3036	3036					
2	UBND xã An Thạnh 2	5560		5560	5560	5560					
3	UBND xã An Thạnh 3	12029		12029	12029	12029					
4	UBND xã An Thạnh Đông	7788		7788	7788	7788					
5	UBND xã An Thạnh Tây	3212		3212	3212	3212					
6	UBND xã An Thạnh Nam	4903		4903	4903	4903					
7	UBND xã Đại Ân 1	7209		7209	7209	7209					
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	7772		7772	7772	7772					
	Tổng số = (I) + (II)	56634	0	56634	56634	56634	0	0	0	0	0

[1] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

[2] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

[3] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biên bản 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng mới bổ nhiệm	Đã tinh giảm	
						Đi chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đi chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
I	UBND cấp huyện	12	0	3	0	1		29	-2	5		88	-2	0	0	
II	UBND cấp xã[6]	8						23				172		0		
Tổng số = (I) + (II)		20	0	3	0	1	0	52	-2	5	0	260	-2	0	0	0

[1] Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

[2] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

[3] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

[4] Nêu rõ thiếu chuẩn nào

[5] Nêu rõ thiếu chuẩn nào

[6] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



ĐIỂM MẪU 7B
Thống kê số liệu về CBCCVN tại từng đơn vị huyện và UBND cấp xã
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

Stt	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVN hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[1] CBCCVN được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVN		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Năng lượng theo thẩm quyền	
		Biên chế	HĐ chuyên môn		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH ĐT BD	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		TX [7]	TH [8]
I	UBND cấp huyện	981	2	980		42	37	27	26	60	58	0	0	1	51	404	70
II	UBND cấp xã[9]	172		172	15	143	0	3	2	0	0	0	2	0	0	38	11
1	UBND xã An Thạnh 1	20		20	0	20										4	3
2	UBND xã An Thạnh 2	20		20	0	20		1	1							5	1
3	UBND xã An Thạnh 3	24		24	4	15										6	2
4	UBND xã An Thạnh Đông	21		21	2	18		1								3	2
5	UBND xã An Thạnh Tây	20		20	0	16										3	2
6	UBND xã An Thạnh Nam	24		24	2	17						1				3	1
7	UBND xã Đại Ân 1	23		23	1	20		1	1							7	0
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	20		20	6	17						1				6	0

- [1] Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng
- [2] Thống kê chi tiết tại đây
- [3] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVN được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...
- [4] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVN tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề
- [5] Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng
- [6] Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVN bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ
- [7] Thường xuyên
- [8] Trước hạn
- [9] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai định sách, chính sách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 370/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thông kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	38	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	



Biểu mẫu 9B

Thông kê số liệu về cải cách hành chính công tại UBND huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số .../...-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Xanh)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	12	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	38	4	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	37	0	



Biểu mẫu 10B
Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước
và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại UBND huyện
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan (đơn vị)	Trình độ văn bản gửi đi cơ quan/hiện tại của cơ quan/đơn vị				Đang chờ công việc xử lý của cơ quan/đơn vị				Tình hình công việc được thực hiện				
		Tổng số văn bản	Số văn bản gửi	Số văn bản nhận	Số văn bản trả lời	Tổng số công việc	Số công việc đang chờ xử lý	Số công việc đã xử lý	Số công việc đã trả lời	Số công việc đã giải quyết	Số công việc đã trả lời	Số công việc đã giải quyết	Số công việc đã trả lời	Số công việc đã giải quyết
I	UBND cấp huyện	4604	4604	4604	4604	17				0				
II	UBND cấp xã [1]	6636	6636	0	0	0								
1	UBND xã An Thạnh 1	647	647											
2	UBND xã An Thạnh 2	1657	1657											
3	UBND xã An Thạnh 3	946	946											
4	UBND xã An Thạnh Đông	709	709											
5	UBND xã An Thạnh Tây	787	787											
6	UBND xã An Thạnh Nam	845	845											
7	UBND xã Đại Ân 1	580	580											
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	465	465											
Tổng		11240	11240	4604	4604	17	0	0	0	0	0	0	0	0

[1] UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>UBND cấp huyện</i>	30	0	0	
<i>II</i>	<i>UBND cấp xã[1]</i>	2	0	0	
Tổng (I) + (II)		32	0	0	



Thông kê tình hình áp dụng kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên nền tảng phần mềm một cửa điện tử
(Ban hành kèm theo Báo cáo kết quả UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao)

STT	Nội dung thống kê[1]	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
I	Cấp huyện	3631	3448	78	Ngày TK: 19/11/2018
II	Cấp xã	1444	1388	42	
1	UBND xã An Thạnh 1	503	469	25	
2	UBND xã An Thạnh 2	60	53	7	
3	UBND xã An Thạnh 3	9	9	0	
4	UBND xã An Thạnh Đông	2	2	0	
5	UBND xã An Thạnh Tây	72	65	4	
6	UBND xã An Thạnh Nam	239	232	5	
7	UBND xã Đại Ân 1	5	5	0	
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	554	553	1	Ngày TK: 19/11/2018

[1] Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống



Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 tại UBND huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 370/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	8	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	8	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	- Có công bố tại Quyết định 2265/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác	Có	



Thống kê tình hình cấp đơn yêu cầu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2/BC-UBND ngày 19/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Đúng hạn	Được thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết [2]			
I	UBND cấp huyện	4	4		4		
II	UBND cấp xã [3]	2	2	0	2	0	
1	UBND xã An Thạnh 1	0					
2	UBND xã An Thạnh 2	0					
3	UBND xã An Thạnh 3	0					
4	UBND xã An Thạnh Đông	0					
5	UBND xã An Thạnh Tây	0					
6	UBND xã An Thạnh Nam	0					
7	UBND xã Đại Ân 1	2	2		2		
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	0					
Tổng		6	6	0	6	0	0

[1] Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

[2] Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

[3] Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn